

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-PT

Ngày 19 - 3 - 2025

“Tranh chấp yêu cầu thực hiện văn
bản phân chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn

Bà Bùi Thị Đoan Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vinh Phúc.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc:* Ông Phùng Ngọc Tuấn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm
2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện Văn bản thỏa thuận phân chia di sản
thừa kế” giữa:

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS- ST ngày 05 tháng 9 năm 2024
của Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2025/QĐ - PT
ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: TDP L, thị trấn Tam Sơn,
huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1978; Địa chỉ: TDP L, thị trấn Tam Sơn,
huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh M: Anh Chu Hải Đ, sinh năm 1991;
địa chỉ: Số 89, đường T, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc,
có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Bà Đỗ Thị Khánh H, sinh năm 1993 – Luật sư Công ty Luật TNHH Hùng Phúc, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 89, đường T, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1934;

Địa chỉ: TDP L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu A, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

3. Bà Lê Thị P, sinh năm 1962;

Địa chỉ: TDP S, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

4. Ông Lê Văn G, sinh năm 1963;

Địa chỉ: TDP Lạc Kiều, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

5. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: TDP L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

6. Ông Lê Văn M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: TDP L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

7. Anh Lê Kim C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: TDP L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

8. Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: TDP , thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

9. Ông Đỗ Hữu C, sinh năm 1957 – Công chứng viên, nguyên Trưởng Văn phòng công chứng huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: TDP Hữu P, xã Bắc Bình, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

(Tại phiên tòa tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, bà Phó có mặt.)

Người kháng cáo: Bà Lê Thị H – nguyên đơn

Anh Lê Văn M – bị đơn.

Kháng nghị : Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2022 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bố mẹ bà là cụ Lê Văn H, sinh năm 1933 (chết năm 2001) và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1934. Bố mẹ bà sinh được 08 người con gồm: bà T, bà P, ông G, ông H (tức H), ông C, ông M, ông M và bà (Lê Thị H). Bố mẹ bà khi còn sống có tạo lập được tài sản là diện tích đất

là khoảng 1.632m² tại thửa số 66, tờ bản đồ 11, địa chỉ: tổ dân L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho “Hộ ông Lê Văn H” (năm 2010 đã cho em trai bà là Lê Kim C 320m² đất vườn). Ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C. Diện tích đất đã cho ông C, bà không đề nghị) nên hiện nay trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn khoảng 1.312m². Khi cụ H chết không phân định lại đất hay có di chúc nên thửa đất vẫn giữ nguyên là hộ ông Lê Văn Hoàn. Năm 2013 do anh M chơi cờ bạc, thua và nợ nần nhiều tiền nên đã phải cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông Lê Văn Hoàn” với số tiền nợ hơn 200.000.000 đồng. Do anh M không có khả năng trả nợ, bị xã hội đen đe dọa nên mẹ bà, cụ Nguyễn Thị H đã nhờ bà đứng ra trả nợ thay cho ông M thì sẽ cho bà phần diện tích 200m² (trong đó có 100m² đất thổ cư và 100m² đất trồng cây lâu năm) của tổng diện tích của thửa đất 1312m². Sau khi bà đi vay mượn để trả nợ thay cho anh M và rút được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì đến ngày 17/9/2013, mẹ bà cùng 07 anh chị em (trừ ông H1, khi đó đi làm ăn xa không về kịp) đã ra Văn phòng công chứng lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung cụ Nguyễn Thị H cho bà Lê Thị H phần diện tích 200m² (trong đó có 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm), các bên đã làm thủ tục công chứng, chính quyền địa phương thị trấn Tam Sơn đã trích đo trên thực địa nhưng văn bản không được thực hiện vì thiếu chữ ký của anh trai bà là ông H1. Vài ngày sau, ông H1 về thì mới ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia trên. Sau khi có đầy đủ chữ ký của các thành viên gia đình, bà đã chuyển toàn hồ sơ cho cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục nhưng không làm được thủ tục chuyển nhượng được do ông H1 có đơn đến phòng Tài nguyên môi trường huyện Sông Lô không đồng ý thực hiện văn bản thỏa thuận trên. Đến năm 2014, cụ H và các anh chị em đồng ý tách phần diện tích 200m² cho bà nhưng anh Lê Văn M không đồng ý nên không làm được thủ tục tách đất cho bà.

Vì vậy, đến nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên “Hộ ông Lê Văn H” vẫn do bà giữ còn toàn bộ diện tích đất này đang do anh M quản lý, sử dụng trên đất anh M có xây dựng nhà và công trình phụ. Nay bà yêu cầu buộc anh Lê Văn M thực hiện Văn bản thỏa thuận đề ngày 17/9/2013 theo nguyện vọng của cụ H và các anh chị em trả lại cho bà diện đất của cụ H cho bà 200m², (trong đó có 100m² đất thổ cư và 100m² đất trồng cây lâu năm).

Đối với yêu cầu phản tố của anh M về việc yêu cầu công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 720m² theo giấy chuyển nhượng đất làm nhà ở năm 2009, bà không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu của anh M.

Bị đơn anh Lê Văn M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh trình bày: Anh thừa nhận nội dung về thành phần gia đình, nguồn gốc thửa đất, phần chia tách đất cho anh C sử dụng (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C) và diện tích thửa đất còn lại theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông Lê Văn H” là 1312m² như bà Lê Thị H trình bày là đúng. Sau khi bố anh chết năm 2001 không để lại di chúc. Đến ngày 12/5/2009, mẹ anh là cụ Nguyễn Thị H cùng 7 anh chị em ruột của anh đã lập biên bản họp gia đình về việc phân chia đất thổ cư với nội dung cắt cho anh 720m², có mô tả chiều cạnh nhưng chỉ có một số anh em có mặt còn lại vắng mặt người khác ký thay ghi họ tên của thửa đất đứng tên “Hộ ông: Lê Văn H”, nên anh đã xây công trình, trồng cây gồm: 01 nhà cấp 4, xây gạch, lợp ngói diện tích khoảng 70m², xây hết khoảng 200.000.000 đồng; 01 nhà bếp, xây gạch, lợp ngói, diện tích khoảng 50m²; 01 công trình phụ (nhà vệ sinh), diện tích khoảng 20m², xây gạch, đổ mái bê tông; hệ thống chuồng trại để chăn nuôi, diện tích khoảng hơn 10m², xây gạch xi, lợp blo xi măng; 01 giếng khoan, làm hết 7.000.000 đồng; 01 sân lát gạch đỏ, diện tích 60m², làm hết 7.000.000 đồng; 01 miếu thờ tổ tiên; 01 hệ thống tường bao quanh, dài 40 – 50m, xây gạch xi, cao khoảng 1,3 - 1,4m, xây hết 7.000.000 đồng; 01 cổng, gồm có 02 trụ xây bằng gạch đỏ; 01 lối đi vào từ cổng khoảng 30m², làm cùng thời điểm làm cổng; khoảng 10 cây mít, vanh từ 40 - 60cm (cây to); 5-6 cây xoài, tán 4-5m (cây to); 6-7 cây bưởi, gồm cả cây to, cây nhỏ, cây to tán khoảng 4-5m; 3-4 cây xoan, vanh khoảng 60cm; chuối khoảng 10 gốc. Toàn bộ các tài sản gồm công trình và cây cối như anh trình bày là do vợ chồng anh tạo lập, con anh và các anh em ruột của anh và mẹ anh không có đóng góp gì.

Đối với việc bà H trình bày năm 2013, mẹ anh và các anh chị em, trong đó có cả anh thống nhất cắt chia cho bà H 200m² đất, gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm trong phần diện tích đất cấp cho “Hộ ông: Lê Văn H”, đã làm Văn bản thỏa thuận đề ngày 17/9/2013 phân chia di sản thừa kế, có làm thủ tục công chứng, chính quyền địa phương và huyện Sông Lô đã trích đo trên thực địa nhưng văn bản không được thực hiện vì thiếu chữ ký của anh trai anh là ông Lê Văn H (H1). Sau đó ông H đã ký nhưng do hợp đồng lập đã lâu nên Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Lô không đồng ý làm thủ tục tách đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ mà yêu cầu về làm lại hợp đồng thỏa thuận lúc này thì anh

không ký lại nên không làm thủ tục tách đất cho bà H được. Việc bà H trình bày nội dung như trên là không đúng, mẹ anh và các anh chị em trong gia đình chỉ thống nhất cho bà H 100m² đất vườn, không có đất ở. Chữ ký trong Văn bản đề ngày 17/9/2013 có chữ ký của anh là do tin tưởng là chị mình nên tại thời điểm đó anh đã ký mà không đọc văn bản nên anh không biết là văn bản ghi 200m², trong đó có 100m² thổ cư và 100m² đất trồng cây lâu năm, dù trước đó bà H chỉ nói với anh là cho bà H thêm 100m² đất trồng cây lâu năm (trước đây bố mẹ anh đã cho bà H 192m² cũng được cắt ra từ phần diện tích đất của Hộ ông Lê Văn H. Bà H đã bán cho ông Huy ở tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn).

Nay bà H yêu cầu buộc anh thực hiện Văn bản thỏa thuận đề ngày 17/9/2013 theo nguyện vọng của cụ H và các anh chị em trả lại cho bà diện tích đất 200m², (trong đó có 100m² đất thổ cư và 100m² đất trồng cây lâu năm). Anh không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất hiện nay anh đang sử dụng là của anh đã được cụ H và các anh chị em ruột thống nhất cho anh từ năm 2009, anh đã đóng thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp giáp ranh với các hộ liền kề. Ngoài phần 720m² đất của anh được cụ H cho, diện tích theo đo đạc thực tế ngày 11/01/2023 là 861,4m² hiện nay vợ chồng anh đang sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh có yêu cầu phản tố, anh yêu cầu Tòa án công nhận Văn bản cam kết chuyển nhượng đất làm nhà (đất ở) mà cụ Nguyễn Thị H đã lập năm 2009 với nội dung cho anh 720m² đất gồm 200m² đất thổ cư và 520m² đất trồng cây lâu năm, có chiều dài 36m, chiều rộng 20m. Văn bản được ông Nguyễn Văn T, tổ trưởng tổ dân phố và bà Nguyễn Thị T, cán bộ địa chính thị trấn, ông Cao Văn C tổ phó tổ dân phố L chứng kiến và xác nhận và được Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô ký đóng dấu xác nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Chu Hải Đ thuộc Công ty Luật TNHH Hùng Phúc - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc trình bày: Về nội dung, quan điểm giải quyết vụ án, ông Đ đồng ý với ý kiến của anh M vừa trình bày và không ai bổ sung nội dung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị H tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cụ trình bày: Cụ và chồng cụ là Lê Văn Hoàn, sinh năm 1933 (chết năm 2001) sinh được 08 người con gồm: Lê Thị T, Lê Thị P, Lê Văn G, Lê Văn H, Lê Thị H, Lê Kim C, Lê Văn M, Lê Văn M. Vợ chồng cụ có tạo lập được tài sản là diện tích đất khoảng 1.632m² tại thửa số 66, tờ bản đồ 11, địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông Lê Văn H” (năm 2010 cụ đã cắt

cho con trai là Lê Kim C 320m² đất vườn). Anh C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh C. Đây là đất của anh C, cụ không có ý kiến gì. Đối với tài sản của vợ chồng cụ là diện tích đất hiện nay vợ chồng anh M đang quản lý, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên “Hộ ông: Lê Văn H”. Năm 2013 do anh M chơi cờ bạc, thua và nợ nần nhiều tiền nên đã phải cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông Lê Văn H”. Do anh M không có khả năng trả nợ, bị xã hội đen đe dọa nên cụ đã nói với bà H trả nợ cho anh M, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì cụ sẽ cắt một phần diện tích đất là 200m², trong đó có 100m² đất thổ cư và 100m² đất trồng cây lâu năm cho bà H. Vì vậy mới hình thành sự việc ngày 17/9/2013, cụ và các con có lập văn bản thỏa thuận cụ cắt một phần đất trong số diện tích đất của cụ cho bà H 200m² đất, gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm trong phần diện tích đất cấp cho “Hộ ông: Lê Văn H”. Tuy nhiên quá trình giải quyết, hoà giải sau này và tại cấp phúc thẩm, cụ H cho rằng không có nội dung sự việc trên, không có việc anh H đem bìu đồ đi cầm, hay cụ nhờ bà H đi chuộc về và bà không đồng ý cho bà H diện tích đất 200m², trước đây cụ đã cho bà H, bà H bán đi rồi.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ph và bà Lê Thị T tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các bà trình bày:

Theo các bà được biết năm 2013, có nội dung sự việc, cụ H cùng các anh chị em trong gia đình đều thống nhất cắt chia cho bà H 200m², gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm, đã làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đã làm thủ tục công chứng, chính quyền địa phương và huyện Sông Lô đã trích đo trên thực địa nhưng văn bản không được thực hiện vì thiếu chữ ký của em trai các bà là ông H (hàng thừa kế thứ nhất của bố các bà). Sau đó ông H ra ký nhưng do hợp đồng lập đã lâu nên Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Lô không đồng ý cho ký và yêu cầu về làm lại hợp đồng, đến lúc này thì em trai các bà là Lê Văn M không ký lại nên không làm thủ tục tách đất cho bà H được. Bà H đã nhiều lần yêu cầu anh M thực hiện trả đất cho bà H nhưng anh M không thực hiện. Lý do của việc cho bà H đất là do bà H bỏ tiền ra chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố các bà mà trước đó anh M do chơi bời, nợ nần mang đi cầm cố và không trả được nợ và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên mẹ các bà cụ H van xin bà H bỏ tiền để chuộc GCNQSD đất về cứu gia đình. Lấy được giấy về sẽ cắt cho bà H 200m² như trên. Nay các bà yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận trên của cụ H để cắt trả cho bà H 200m² đất. Nếu không được, các bà đề nghị chia

thừa kế toàn bộ diện tích đất của bố các bà để lại, chia theo pháp luật. Nếu được chia các bà cho bà H phần bà được hưởng bằng đất.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Văn M yêu cầu công nhận biên bản họp gia đình và cam kết chuyển nhượng đất làm nhà, các bà xác nhận các bà không biết nội dung văn bản đề ngày 12/5/2009 và các bà không được tham gia, không biết và không phải chữ ký của các bà. Do vậy các bà không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu phản tố của anh M về việc công nhận biên bản trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn G tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày: Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nội dung đơn khởi kiện của bà H trả cho bà H 200m² đất gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm theo Văn bản ngày 17/9/2013.

Đối với yêu cầu phản tố của anh M đề nghị công nhận biên bản họp gia đình và cam kết chuyển nhượng đất làm nhà, ông xác nhận là mẹ ông cụ H có ký văn bản đó nhưng mục đích ký là để anh M hoàn thiện thủ tục để đủ điều kiện được Nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà “Đại đoàn kết” cho hộ nghèo. Do vậy mục đích không phải mẹ con ông cho anh M diện tích 720m² đất. Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày: Bố, mẹ ông khi còn sống có tạo lập được tài sản là diện tích đất là khoảng hơn Nay bà H yêu cầu anh M thực hiện văn bản chia di sản thừa kế đề ngày 17/9/2013 trả cho bà H diện tích đất 200m², gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm cho bà H, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà H chia di sản thừa kế vì diện tích đất anh M đang sử dụng, anh M đã được bố, mẹ ông cho và được sự đồng ý của các anh em trong nhà, anh M đã sử dụng lâu dài nên là của anh M. Đối với việc bà H cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông: Lê Văn H”, là do anh M chơi bời nợ nần không trả được nên bà H trả hộ anh M đây là việc riêng của anh M và bà H không liên quan đến tài sản của bố, mẹ ông.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Văn M yêu cầu công nhận biên bản họp gia đình và cam kết chuyển nhượng đất làm nhà ngày 12/5/2009, ông xác nhận mẹ ông cụ H có ký văn bản cho anh M diện tích 720m². Ông và một số người có mặt có ký biên bản họp gia đình. Nay ông đề nghị công nhận biên bản cụ H cho anh M đất làm nhà.

Tại phiên tòa ông Lê Văn M vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình ông bày như sau: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, ông đề nghị

giải quyết trả cho bà H 200m² đất gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm theo Văn bản thỏa thuận phân chia mà mẹ và các anh chị em của ông đã ký ngày 17/9/2013. Nếu chia di sản thừa kế của bố ông theo pháp luật ông đề nghị được lấy bằng hiện vật là đất. Ông xin chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng trên kỳ phần mà ông được hưởng.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Văn M yêu cầu công nhận biên bản họp gia đình và cam kết chuyển nhượng đất làm nhà, ông xác nhận ông không biết nội dung văn bản đề ngày 12/5/2009 và không phải chữ ký của ông. Do vậy ông không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu phản tố của anh M về việc công nhận biên bản trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Kim C tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày: Ông thừa nhận về nội dung bà H trình bày sự việc xảy ra năm 2013 là đúng. Khi đó, do anh M chơi bời, nợ tiền không trả được nên phải cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông: Lê Văn H”, bà H đứng ra trả thay nên bà H cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó. Đồng thời, ngày 17/9/2013, cụ H và các anh em trong gia đình ông đã làm Văn bản thỏa thuận cụ H là mẹ đẻ ông cắt cho bà H 200m², gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm, đã làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đã làm thủ tục công chứng, chính quyền địa phương và huyện Sông Lô đã trích đo trên thực địa nhưng văn bản không được thực hiện vì thiếu chữ ký của em trai ông là ông Hột. Sau đó ông H ra ký nhưng do hợp đồng lập đã lâu nên Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Lô không đồng ý cho ký và yêu cầu về làm lại hợp đồng, đến lúc này thì ông là Lê Văn M không đồng ý ký nên không làm thủ tục tách đất cho bà H được. Bà H và anh em đã nhiều lần yêu cầu anh M thực hiện văn bản chia di sản thừa kế trả cho bà H diện tích đất mà cụ H đã cho bà H nhưng anh M không thực hiện. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nội dung Văn bản thỏa thuận này.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Văn M yêu cầu công nhận biên bản họp gia đình cam kết chuyển nhượng đất làm nhà, ông xác nhận là mẹ ông có ký văn bản đó nhưng mục đích ký là để anh M hoàn thiện thủ tục để đủ điều kiện được Nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo. Do vậy mục đích không phải để cắt đất cho anh M làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu chia di sản thừa kế của bố ông theo pháp luật ông đề nghị được lấy bằng hiện vật là đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Đ trình bày như sau: Chị kết hôn với anh M năm 2002, chị ở trên diện tích đất đứng tên “Hộ ông: Lê Văn

H” từ đó đến nay. Quá trình sinh sống, chị và anh M đã làm nhà, công trình, trồng cây trên đất như biên bản thẩm định và đóng thuế, nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước đầy đủ. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị trả cho bà H 200m² gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm, chị hoàn toàn không đồng ý, chị đề nghị tòa án giải quyết theo quan điểm của chồng chị.

Nguyên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu C quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Ông là công chứng viên – nguyên Trưởng văn phòng công chứng Sông Lô, trụ sở tại Tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 17/9/2013 ông có thực hiện việc công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 967.09.2013/VBPCDSTK, quyển số: 01/SCC-HĐGD-CCSL. Việc công chứng thực hiện tại Văn phòng công chứng Sông Lô, trụ sở khi đó ở thôn H, xã Nhạo Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi thực hiện việc công chứng đã thực hiện theo đúng quy định của Luật công chứng. Khi công chứng có những người đến có mặt tại Văn phòng công chứng, lập văn bản, ký tên, điểm chỉ vào văn bản trước sự chứng kiến của công chứng viên với nội dung cụ Nguyễn Thị H, ông Lê Văn M, ông Lê Văn M, bà Lê Thị P, ông Lê Bá G, Lê Kim C, bà Lê Thị T thỏa thuận chia di sản thừa kế diện tích đất đứng tên “Hộ ông Lê Văn H”, tại thửa số 66, tờ bản đồ số 11, với tổng diện tích có, còn trong giấy chứng nhận là 1.312m². Trong đó có 200m² đất ở và 1.112m² đất trồng cây lâu năm. Thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, cho bà Lê Thị H 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm. Sau khi ký công chứng, điểm chỉ và làm các thủ tục xong một thời gian thì Văn phòng phát hiện trong hàng thừa kế của cụ Hoàn còn thiếu ông Lê Văn H1 (tức Hột) nên Văn phòng Công chứng Sông Lô đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn Tam Sơn ngày 14/8/2014, xác định ông H1 là con của cụ H và cụ H nên Văn bản đó thiếu ông Lê Văn H1 trong Văn bản phân chia di sản là đúng. Do vậy Văn phòng công chứng đã làm văn bản thu hồi Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 và yêu cầu gia đình đến làm văn bản hủy Văn bản thỏa thuận nhưng những người đã ký vào Văn bản phân chia di sản thừa kế không đồng ý ký hủy, không đến văn phòng công chứng. Do đó Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 không đủ điều kiện nên không có hiệu lực. Sau đó Văn phòng hướng dẫn bà H ra Tòa án để thực hiện việc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Nay bà H nộp Văn bản phân chia di sản thừa kế đề ngày 17/9/2013 làm căn cứ khởi kiện. Sau khi xem Văn bản, ông xác nhận văn bản trên là đúng văn bản đã được ông công chứng nhưng sau đó đã bị thu hồi nhưng không thu hồi được và ông

xác nhận khi ký, điểm chỉ tại Văn phòng công chứng Sông Lô thì không có mặt ông Lê Văn H1 ký, điểm chỉ vào Văn bản vì ông H1 không có tên trong thành phần ký văn bản vì khi đó ông H1 không có mặt. Do vậy chữ ký, chữ viết Lê Văn H1 ký thời điểm nào, do ai ký ông không biết. Sau khi ra Thông báo thu hồi Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 Văn phòng công chứng đã gửi Thông báo thu hồi cho những người thừa kế đã ký tên trong Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 nhưng những người này không nhận thông báo và không ký Văn bản hủy nên không hủy được và chỉ làm thủ tục thu hồi. Quá trình giải quyết vụ án ông đã nhận được quyết định của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô yêu cầu ông giao nộp Thông báo thu hồi Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 nhưng ông chưa giao nộp được vì sau khi Văn phòng công chứng Sông Lô không hoạt động, theo chỉ đạo của Sở tư pháp thì các tài liệu của Văn phòng công chứng Sông Lô được chuyển đến lưu trữ tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình giải quyết, Tòa án sơ thẩm đã xác minh tại UBND thị trấn Tam Sơn, địa phương cung cấp như sau: Theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 thể hiện Giấy chứng nhận QSD đất số R638446 vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00369 QSDD-76.QĐ.UB.H chủ sử dụng đất “Hộ ông: Lê Văn Hoàn”, số thửa 66 thửa, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.312m² (200 m² đất ở 1.112m² đất vườn địa chỉ, tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn.

Theo bản đồ đo vẽ 299 gồm 03 thửa của ba hộ có tổng diện tích là 2.060m² (hộ ông Hoàn 1.632m², hộ ông Lê Văn H1 360m², hộ bà Lê Thị H 192m²).

Theo sổ mục kê quyền tờ bản đồ số 11, số thửa 66 diện tích là 1632m² (200 m² đất ở 1.112m² đất trồng cây lâu năm).

Theo đo đạc thực tế ngày 11/01/2023 của Công ty cổ phần và tư vấn đo đạc Tam Dương diện tích đất trên là 861,4m².

Ngoài ra địa phương cung cấp, vào khoảng năm 2013 cụ H và các con gồm: Ông M, ông M, bà P, bà T, ông G, ông C có Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung cắt đất cho bà H 200m² từ diện tích tại thửa 66, tờ bản đồ số 11, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông Lê Văn H”. Sau khi ký Văn bản thỏa thuận, bà Lê Thị H đã ra Phòng địa chính thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho diện tích đất này. Cán bộ địa chính thị trấn đã thẩm định đo vẽ trên thực địa và hoàn thiện thủ tục để chuyển đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Sông Lô để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H nhưng sau đó gia đình xảy ra mâu thuẫn nên việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H không thực hiện

được. Đối với việc anh Lê Văn M trình bày năm 2009 anh đã được cụ Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho anh 720m² đất có xác nhận của chính quyền địa phương là lý do làm thủ tục chuyển nhượng để anh M có đủ điều kiện được Nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà Đại đoàn kết ngoài ra không làm thủ tục gì khác từ khi đó đến nay chưa làm mọi thủ tục hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng đối với diện tích 720m² đất tại thửa 66, tờ bản đồ số 11. Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn không có lưu Thông báo thu hồi Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 của văn phòng công chứng Sông Lô.

Tòa án nhân dân huyện Sông Lô tiến hành xác minh tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc đã cung cấp là theo các quyết định của Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc và Thông báo số 179/STP về việc giao Phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc tiếp nhận và lưu trữ hồ sơ công chứng của Phòng công chứng Sông Lô. Đối với hồ sơ công chứng Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 không có lưu tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Phúc vì khi bàn giao hồ sơ, Phòng công chứng Sông Lô không bàn giao hồ sơ trên. Do vậy Thông báo thu hồi Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013 cũng không có.

Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Sông Lô không có lưu Thông báo thu hồi Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17/9/2013

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS- ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 108, 109, 122, 127, 134, 168 và Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 117, 122, 124, 422 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn M thực hiện văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đề ngày 17/9/2013 và trả cho bà diện tích đất 200m² (trong đó diện tích 100m² đất ở và 100m² đất vườn) tại tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lê Văn M yêu cầu công nhận biên bản họp gia đình và cam kết chuyển nhượng đất làm nhà (đất ở) năm 2009.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2024, nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 19/9/2024, bị đơn anh Lê Văn M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của anh.

Ngày 07/10//2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc kháng nghị theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà nguyên đơn và bị đơn.

+ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS- ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã rút nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

Xét về nguồn gốc diện tích đất 861,4m² theo đo đạc thực tế ngày 11/01/2023 tại thửa số 66, tờ bản đồ số 11 tại tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên “Hộ ông: Lê Văn H” có diện tích 1.312 m². Quá trình giải quyết vụ án tất cả các đương sự đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp là tài sản chung của cụ Lê Văn H và cụ Nguyễn Thị H. Cụ Hoàn đã chết năm 2001 nên việc định đoạt thừa đất phải được sự đồng ý của cụ H và các đồng thừa kế.

Ngày 17/9/2013 cụ H và 7 người con (vắng mặt ông Lê Văn H1) ra Văn phòng công chứng lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung cho bà H 200m² đất (gồm 100m² đất ở và 100m² đất trồng cây lâu năm). Sau đó Phòng công chứng Sông Lô phát hiện thiếu thành phần là ông H1 nên Phòng công chứng Sông Lô đã ra Thông báo thu hồi Văn bản phân chia di sản ngày 17/9/2023. Xét về bản chất giao dịch này là tặng cho quyền sử dụng đất và có hiệu lực khi bà H đã đăng ký sang tên nhưng đến nay người tặng cho là cụ H, anh M, anh H1 thay đổi ý kiến không đồng ý cho bà H và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do thiếu thành phần đã bị thu hồi nên không đủ căn cứ để xem xét mặc dù đến thời điểm này bà T, bà P, ông C, ông Giáp, ông M là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàn vẫn đề nghị thực hiện Văn bản phân chia di sản đề ngày 17/9/2023 để cho bà H 200m² đất. Nếu văn bản không bị thu hồi thì có thể được xem xét về việc Văn bản vô hiệu theo phần đối với phần của cụ H, anh M và anh H1 nhưng có hiệu lực đối với kỷ phần của bà , bà P ông C, ông G, ông M để chia cho bà H phần diện tích bà H, bà T, bà P, ông C, ông G, ông M được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H và đồng ý cho bà H. Nhưng do Văn bản đã bị thu hồi nên yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu thực hiện Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và đòi diện tích đất cụ H cho là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do vậy về di sản của cụ H để lại những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H nếu có đơn đề nghị giải quyết bằng vụ án khác. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H là có căn cứ. Do đó kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà H chỉ đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu thực hiện văn bản phân chia thừa kế. Đối với số tiền 200.000.000 đồng bà H trình bày đã trả nợ thay cho anh M, nhưng anh M không thừa nhận và tại phiên tòa bà H cũng không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Do vậy nếu bà H có đơn yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Xét kháng cáo của anh M, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của anh M về việc công nhận Văn bản cam kết chuyển nhượng đất làm nhà (đất ở) vì anh cho rằng mẹ anh là cụ H và các anh em đã cho anh 720m² đất tại thửa 66, tờ bản đồ số 11.

Anh Lê Văn M cho rằng ngày 12/5/2009, cụ H đã tổ chức họp gia đình để phân chia đất thổ cư và được lập Biên bản họp gia đình về việc phân chia đất thổ cư, biên bản họp gia đình đã phân chia cho anh M được quyền sử dụng 720m² đất (trong đó có 200 m² đất ở + 520 m² đất vườn), thửa đất có chiều dài 36 m, chiều

rộng 20 m². Biên bản họp gia đình có chữ ký của cụ H và các anh chị em của anh Mạc có mặt tại cuộc họp, còn các anh chị em của anh M không có mặt tại cuộc họp thì đã được các anh chị em khác có mặt ký thay. Ngoài ra, anh M còn cho rằng cùng ngày 12/5/2009, cụ H đã có văn bản cam kết chuyển nhượng đất làm nhà (đất ở) cho anh M 720 m² đất, thửa đất có chiều dài là 36 m, chiều rộng là 20 m. Như vậy, bản thân anh M cũng thừa nhận Biên bản năm 2009 không đầy đủ thành phần, có nhiều người ký thay.

Các bà Lê Thị P, bà Lê Thị T, ông Lê Văn G, ông Lê Văn M, ông Lê Văn C đều khẳng định không biết nội dung văn bản đề ngày 12/5/2009 và các ông bà không được tham gia, không biết và không phải chữ ký của các ông, bà nên các ông bà không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu phản tố của anh M về việc công nhận biên bản ngày 12/5/2009 có hiệu lực pháp luật. Tòa án xác minh tại địa phương và ông Lê Văn G, ông Lê Kim C đều xác nhận cụ H có ký vào văn bản ngày 12/5/2009 nhưng mục đích ký là để anh M hoàn thiện thủ tục để đủ điều kiện được Nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà “Đại đoàn kết” cho hộ nghèo chứ không phải mục đích chuyển nhượng cho anh M để sở hữu diện tích đất tại thửa 66, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn. Do vậy, mục đích không phải cụ H cho anh M diện tích đất 720 m². Mặt khác, nếu cụ H cho anh M thì cũng vượt quá phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ H (Tổng diện tích còn lại là 861,4m² nhưng cụ H đã cho 720m²), cụ H không có quyền quyết định cho anh M cả phần tài sản (đất) của cụ Hoàn mà không có sự đồng ý của các con của cụ H và cụ H. Việc cụ H cho đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác. Tính đến thời điểm ngày 17/9/2023 anh M vẫn chưa thực hiện được việc đăng ký biến động, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất 720 m². Căn cứ vào sự thừa nhận của anh M cũng như các anh, chị em của anh M như trên có thể khẳng định không có cuộc họp gia đình ngày 12/5/2009, nội dung cuộc họp không phản ánh đúng ý trí, nguyện vọng của những người có quyền định đoạt tài sản nên văn bản ngày 12/5/2009 không có hiệu lực pháp luật.

Do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu phản tố của anh M công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H và anh M ngày 12/5/2009 là phù hợp và có căn cứ nên kháng cáo của anh M không được Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy không chấp nhận kháng cáo của bà H và kháng nghị của VKS và của ông M. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Lê Thị P, ông Lê Văn M, ông Lê Văn C, bà Lê Thị T, ông Lê Văn G nếu có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H thì khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nên bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà H và anh Lê Văn M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 108, 109, 122, 127, 134, 168 và Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 117, 122, 124, 422 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn M thực hiện văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đề ngày 17/9/2013 và trả cho bà diện tích đất 200m² (trong đó diện tích 100m² đất ở và 100m² đất vườn) tại tổ dân phố L, thị trấn Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lê Văn M yêu cầu công nhận biên bản họp gia đình và cam kết chuyển nhượng đất làm nhà (đất ở) năm 2009.

2/ Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H phải chịu 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3/ Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai số 0002418 ngày 05/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại bà H số tiền tạm ứng án phí là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí yêu cầu phản tố: Anh M phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp là

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002526 ngày 07/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Anh M đã nộp đủ.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001005 ngày 24/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

Anh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí. Anh M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001003 ngày 19/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Sông Lô;
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh